

Bản án số: **36/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-8-2025

V/v “Ly hôn và nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Lâm;

2. Ông Nguyễn Văn Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quốc Duy – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 18/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 về việc “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Trần Thị N, sinh năm 1980 (vắng mặt)

ĐKTT: ấp PL, xã TP, huyện BD, tỉnh Bến Tre (Nay là ấp PL, xã TP, tỉnh Vĩnh Long).

Hiện ở: ấp BH1, xã Đại Hòa Lộc, huyện BD, tỉnh Bến Tre (Nay là ấp BH1, xã TP, tỉnh Vĩnh Long).

Chị N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 08/8/2025

* Bị đơn: Ngô Quốc D, sinh năm 1977

Địa chỉ: ấp PL, xã TP, huyện BD, tỉnh Bến Tre (Nay là ấp PL, xã TP, tỉnh Vĩnh Long).

Anh D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 12/8/2025

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2025, trong quá trình tố tụng chị Trần Thị N trình bày:

Chị và anh Ngô Quốc D tự nguyện kết hôn vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện BD, tỉnh Bến Tre (nay là xã TP, tỉnh

Vĩnh Long) vào ngày 11/03/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và mâu thuẫn về kinh tế trong gia đình nên cả hai đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay, chị nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Có 02 con chung Ngô Trần Quốc K, sinh ngày 19/01/2006 và Ngô Trần Quốc K1, sinh ngày 02/8/2015. Hiện cháu Khánh đã thành niên chị không yêu cầu giải quyết, chị yêu cầu nuôi cháu Khôi, yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng, trường hợp anh D không đồng ý cấp dưỡng thì chị cũng không yêu cầu vì đây là trách nhiệm làm cha.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 15/4/2022 và trong quá trình tố tụng vụ án, bị đơn anh Ngô Quốc D trình bày:

Anh thống nhất với chị N trình bày về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn. Về tình cảm vợ chồng, anh xác định vợ chồng khi chung sống có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị N xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung Ngô Trần Quốc K, sinh ngày 19/01/2006 và Ngô Trần Quốc K1, sinh ngày 02/8/2015. Hiện cháu Khánh đã thành niên anh không yêu cầu giải quyết, anh đồng ý để chị N nuôi cháu Khôi, tuy nhiên anh không đồng ý cấp dưỡng, vì mặc dù cháu Khánh đã thành niên nhưng đang học đại học, anh là người chu cấp cho cháu Khánh nên anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Khôi cho chị N, mỗi người nuôi một con chung.

Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long:*

- Về thủ tục: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, thành viên HĐXX (Hội đồng xét xử) thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX chấp nhận cho chị N ly hôn với anh D. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị N được nuôi con chung và ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không xem xét. Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị N và bị đơn anh Ngô Quốc D có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 08/8/2025, 12/8/2025. Căn cứ điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về hôn nhân: chị Trần Thị N và anh Ngô Quốc D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TP, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre (Nay là xã TP, tỉnh Vĩnh Long) theo quy định pháp luật vào ngày 11/03/2005, do đó, hôn nhân của chị N và anh D là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị N và anh D thống nhất vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và tình cảm vợ chồng không còn nên cả hai đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở và phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 02 con chung Ngô Trần Quốc K, sinh ngày 19/01/2006 và Ngô Trần Quốc K1, sinh ngày 02/8/2015.

+ Con chung Ngô Trần Quốc K hiện đã thành niên và có khả năng lao động, hai bên không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

+ Con chung Ngô Trần Quốc K1 hiện đang sống chung với chị N, cháu Khôi cũng có nguyện vọng sống chung với chị N, chị N yêu cầu được nuôi cháu Khôi và anh D cũng đồng ý, do đó để đảm bảo điều kiện sống và phát triển bình thường của cháu K1, HĐXX chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K1 của chị N. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh D không đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu K1 cho chị N với lý do đang chu cấp nuôi cháu K học đại học, chị N trình bày trường hợp anh D không đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu K1 thì chị cũng không yêu cầu nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Hai bên không tranh chấp nên không xét đến.

[5] Về nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long phù hợp với các nhận định nêu trên nên được HĐXX chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị Trần Thị N phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị N đối với anh Ngô Quốc D. Chị Trần Thị N được ly hôn với anh Ngô Quốc D

Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh D chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

+ Con chung Ngô Trần Quốc K, sinh ngày 19/01/2006 hiện đã thành niên và có khả năng lao động, hai bên không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

+ Chị Trần Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Ngô Trần Quốc K1, sinh ngày 02/8/2015. Ghi nhận sự tự nguyện chị N nuôi con chung không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Anh Ngô Quốc D có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Hai bên không tranh chấp nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

5. Về án phí: Chị Trần Thị N phải nộp án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào theo biên lai thu tiền số 0000435 ngày 18/7/2025 của Thị hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 8 – Vĩnh Long;
- Thị hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã TP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Quốc Duy

